

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC KHAI MINH

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2022 cho Trường Tiểu học ;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách thu chi ngân sách năm 2022 của trường Tiểu học Khai Minh (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động của trường Tiểu học Khai Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Ngọc Hạnh

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-KM ngày 10 /01/2022 của trường Tiểu học Khai Minh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.955,38
I	Số thu phí, lệ phí	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.955,38
	Tiền tổ chức dạy học hai buổi/ngày	792,45
	Tiền tổ chức các lớp tăng cường tiếng anh	362,70
	Tiền lớp Anh văn tự chọn	16,65
	Anh văn giao tiếp	96,00
	AV Ismart trích lại	50,00
	AV I learn trích lại	39,88
	Tiền tổ chức lớp tự chọn -Tin học	442,80
	Tiền phục vụ bán trú	1.890,00
	Tiền vệ sinh bán trú	315,00
	Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	140,00
	Tiền tổ chức lớp năng khiếu - Học võ, bóng rổ, nhíp điệu...	668,84
	Căn tin	135,00
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	6,06
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.221,1790
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.221,1790
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.221,1790
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.221,1790
	Chi tiền lương	-
	+ Lương, ngạch bậc	2.871,5280
	+ Lương HĐ theo chế độ	33,9768
	+ Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	
	Phụ cấp lương (chi tiết từng loại phụ cấp)	
	+ Phụ cấp chức vụ	61,0140
	+ Phụ cấp làm thêm giờ	67,0000
	+ Phụ cấp độc hại, nặng nhọc, nguy hiểm	
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	1.574,9878
	+ Phụ cấp theo nghề, theo công việc	1,4520
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung + thâm niên nhà giáo	1.007,1804
	+ Phụ cấp GV giảng dạy khuyết tật - hòa nhập	60,0000
	+ Phụ cấp GV thực hành thể dục	35,9835
	Các khoản đóng góp	933,8194
	Miễn giảm, hỗ trợ đối tượng chính sách CP học tập	10,0000
	Thanh toán tiền điện	268,0000
	Thanh toán tiền nước	99,3499
	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	
	Vật tư văn phòng	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	
	Công tác phí	24,0000
	Chi phí thuê mướn	128,8872



	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	180,0000
	Chi khác	8,0000
	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	102,0000
	Chi thu nhập tăng thêm (NQ 03)	754,0000
	Chi cải cách tiền lương	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0

Người lập



Phạm Thị Thanh Lan



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Hạnh

